

Số: **869**/KH-UBND

Hà Nam, ngày **31** tháng **3** năm 2022

## KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

*Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050;*

*Căn cứ Nghị Quyết số 15-NQ/TU ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới bền vững, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 291/TTr - SNN ngày 31 tháng 3 năm 2022.*

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Hà Nam với các nội dung như sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050. Phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững về kinh tế - xã hội - môi trường.

### 2. Yêu cầu

- Bám sát quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra để xây dựng kế hoạch thực hiện có hiệu quả Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị Quyết số 15-NQ/TU ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Tỉnh ủy.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cấp, các ngành, các đơn vị có liên quan làm cơ sở để đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

## II. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu chung

Phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh nằm trong quy hoạch vùng Thủ đô, là cửa ngõ phía nam Hà Nội, vị trí trung tâm kết nối các tỉnh đồng bằng sông Hồng làm tiền đề, tạo động lực cho việc cơ cấu lại ngành nông nghiệp sản xuất hàng hóa quy mô lớn, sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực, góp phần quan trọng trong ổn định kinh tế - xã hội, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, ứng phó với biến đổi khí hậu. Nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống của người tham gia sản xuất nông nghiệp. Tạo chuyển biến mạnh mẽ về phát triển kinh tế nông thôn, thành lập mới các hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động hiệu quả, phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái; nâng hiệu suất sản phẩm nông sản của tỉnh ngày càng có nhiều trên thị trường trong nước và xuất khẩu. Triển khai đồng bộ chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với bảo tồn và phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống. Đẩy mạnh đầu tư và xã hội hóa các nguồn vốn đầu tư để xây dựng hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí, xây dựng nông thôn mới bền vững, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu gắn liền với quá trình đô thị hóa, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh.

### 2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản giai đoạn 2021 - 2030 tăng bình quân 1,7%/năm<sup>1</sup> (giá SS 2010).

- Cơ cấu nội bộ ngành: chăn nuôi - thủy sản chiếm 58%, trồng trọt - lâm nghiệp chiếm 30%, dịch vụ nông nghiệp chiếm 12%; giá trị sản phẩm/đơn vị diện tích đất canh tác gấp 1,6 lần so với năm 2020.

- Diện tích đất sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch đạt 2,0 đến 2,5% tổng diện tích đất nông nghiệp. Tỷ lệ sử dụng phân bón hữu cơ đạt trên 40%, thuốc bảo vệ thực vật sinh học đạt trên 45%.

- Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông, lâm, thủy sản được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết đạt trên 50%

- Tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất lúa: thu hoạch đạt 95%, gieo trồng đạt 70%, bảo quản chế biến đạt 60%.

- Tỷ lệ lao động nông nghiệp /tổng lao động xã hội còn dưới 15%; lao động nông nghiệp được đào tạo đạt trên 60%. Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng ít nhất 2,25 lần so với năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều ở nông thôn còn dưới 1%.

- Tỷ lệ hộ dân nông thôn được dùng nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 100% (trong đó sử dụng nước sạch từ các nhà máy cung cấp nước sạch tập trung là 95%).

<sup>1</sup> Giá trị SXNLTS năm 2020 đạt: 8.118,7 Tỷ đồng; Giá trị SXNLTS ước năm 2030 đạt: 9.607 tỷ đồng

- Có 70% số xã và 03 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

- Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định ở mức 4,5%.

### **3. Tầm nhìn đến năm 2050**

- Tiếp tục phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất nông nghiệp xanh, nông nghiệp sạch, an toàn sinh học và thân thiện với môi trường. Sản xuất nông nghiệp theo chuỗi để kiểm soát sản phẩm, cung cấp các sản phẩm nông nghiệp, nông sản, thực phẩm chất lượng cao phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu. Khu vực nông thôn không còn hộ nghèo. Thu nhập dân cư nông thôn tiệm cận và kết nối chặt chẽ, hài hòa với đô thị.

- Tập trung xây dựng những vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với bảo quản, chế biến; ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ cao, sản xuất theo quy trình thực hành nông nghiệp tốt.

- Quản lý tốt các loại dịch bệnh, đối với các loại cây trồng và vật nuôi.

- Cơ giới hóa áp dụng hầu hết các khâu trong sản xuất.

## **II. NỘI DUNG THỰC HIỆN**

### **1. Hoàn chỉnh cơ cấu theo sản phẩm và lĩnh vực sản xuất**

#### **1.1. Đối với lĩnh vực trồng trọt**

Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa, chuyển đổi đất trồng lúa năng suất thấp, kém hiệu quả sang trồng các loại cây có hiệu quả kinh tế cao và các loại cây trồng, sản phẩm chủ lực; phát triển sản xuất theo hướng, nông nghiệp xanh, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp thông minh; sản xuất tập trung quy mô lớn, sản phẩm chất lượng cao gắn với ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Đối với sản xuất lúa: Đến năm 2030, đảm bảo ổn định diện tích đất chuyên trồng lúa là 24.667 ha. Mở rộng diện tích gieo trồng lúa chất lượng cao đạt khoảng 35.000 ha/năm, chiếm 70% diện tích gieo trồng lúa; sản lượng thóc đạt khoảng 290.000 tấn/năm, trong đó sản lượng thóc chất lượng cao đạt trên 190.000 tấn/năm vừa đảm bảo an ninh lương thực trong mọi tình huống, vừa đáp ứng nhu cầu thị trường và nâng cao thu nhập cho nông dân.

- Đối với cây rau, củ, quả, cây dược liệu: Đến năm 2030, diện tích gieo trồng các loại rau, củ, quả, cây dược liệu đạt khoảng 10.000 ha/năm, sản lượng đạt 190.000 tấn/năm. Phát triển các vùng sản xuất tập trung theo quy hoạch trong đó có 3.000 ha đất màu để sản xuất rau củ quả có giá trị kinh tế cao, áp dụng quy trình sản xuất hữu cơ, VietGap, Globalgap... đảm bảo an toàn thực phẩm gắn với liên kết theo chuỗi giá trị; đáp ứng 100% sản lượng rau, củ, quả cho nhân dân trong tỉnh, các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh và xuất khẩu.

- Đối với cây ăn quả: Duy trì, cải tạo và mở rộng diện tích cây ăn quả; phát triển những vùng sản xuất cây ăn quả tập trung chuyên canh theo hướng

sản xuất hàng hóa đạt cả về năng suất và giá trị, đặc biệt là những vùng quy hoạch chuyển đổi trồng cây ăn quả trên đất trồng lúa.

- Đổi mới phương thức sản xuất hướng tới nền sản xuất nông nghiệp chuyên nghiệp, có trách nhiệm; tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, phân bón vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học... Phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ sử dụng phân bón hữu cơ đạt trên 40%, thuốc bảo vệ thực vật sinh học đạt trên 45%.

### **1.2. Lĩnh vực chăn nuôi**

Rà soát quy hoạch chăn nuôi trên địa bàn tỉnh để phát triển chăn nuôi tập trung, thuận lợi cho công tác quản lý, phòng chống dịch bệnh và xử lý chất thải bảo vệ môi trường. Cơ cấu lại các loại vật nuôi chủ lực như: trâu, bò, gia cầm, thủy cầm và lợn... để phát triển phù hợp với từng vùng, địa phương và đáp ứng nhu cầu của thị trường.

- Đối với đàn bò sữa, trâu, bò thịt: Tiếp tục giữ ổn định đàn bò sữa tại các khu quy hoạch chăn nuôi bò sữa hiện có; tập trung cải tạo, nâng cao chất lượng đàn bò cái sinh sản, phát triển đàn bò thịt chất lượng cao. Ứng dụng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo trên đàn bò, sử dụng các loại tinh phân biệt giới tính, tinh bò sữa cao sản, tinh bò thịt chất lượng cao để cải tạo, nâng cao chất lượng đàn bò. Tiếp tục cải tạo, nâng cao tầm vóc đàn bò theo hướng Zebu hoá (sind hóa); phấn đấu đến năm 2030 có trên 50% số bò cái nền được lai tạo đủ điều kiện để nhân giống bò thịt chất lượng cao; tổng đàn trâu, bò đạt 42 nghìn con (*trong đó bò sữa 5.000 con*); sản lượng thịt trâu, bò hơi xuất chuồng đạt 3.100 tấn; sản lượng sữa tươi đạt 17.000 tấn.

- Chăn nuôi gia cầm: Phát triển chăn nuôi gia cầm quy mô trang trại và chăn nuôi chuyên nghiệp, phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ chăn nuôi gia cầm quy mô trang trại, hộ chăn nuôi chuyên nghiệp chiếm 50% về tổng đàn. Ứng dụng công nghệ gen, nghiên cứu sản xuất và thực hiện chuyển giao các giống gia cầm có năng suất cao, chất lượng tốt, siêu thịt, siêu trứng. Chú trọng bảo tồn các giống gà đặc sản địa phương như gà Móng, gà ri; áp dụng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo gia cầm nhằm nâng cao tỷ lệ sinh sản... Sử dụng giống gà chuyên thịt Ross 308, Cobb 500; giống gà chuyên trứng ISSA-BROW, Hyline; giống gà kiêm dụng Lương Phượng - Kabir, Lương Phượng- Sasso....; giống vịt Super M, Khaki Campbell, Triết Giang; giống ngan Pháp dòng R31, R51, R71... Phấn đấu đến năm 2030, tổng đàn gia cầm đạt 9,5 triệu con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 27.000 tấn, sản lượng trứng đạt 342 triệu quả.

- Đối với chăn nuôi lợn: Khai thác hiệu quả các khu chăn nuôi tập trung hiện có; tiếp tục phát triển chăn nuôi lợn theo hướng trang trại công nghiệp, tập trung để kiểm soát môi trường, dịch bệnh. Đẩy mạnh áp dụng chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi theo chuỗi gắn với giết mổ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; ứng dụng công nghệ chuồng kín trong chăn nuôi lợn theo hình thức trang trại, hộ chăn nuôi chuyên nghiệp. Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ đàn lợn nuôi theo hình thức trang trại và hộ chăn nuôi chuyên nghiệp chiếm trên 70% về tổng đàn và 80% về tổng sản lượng; tổng đàn lợn đạt khoảng 450 nghìn con,

sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 73.000 tấn/năm, tập trung tại huyện Lý Nhân và huyện Bình Lục.

Tiếp tục quy hoạch các khu chăn nuôi tập trung và quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp phù hợp với Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 đảm bảo mật độ chăn nuôi theo quy định tại Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 2020 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Chăn nuôi.

Duy trì và phát triển chuỗi liên kết, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi. Xử lý chất thải chăn nuôi: 100% cơ sở chăn nuôi trang trại và 60% cơ sở chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh áp dụng quy trình xử lý chất thải chăn nuôi, đảm bảo đạt tiêu chuẩn theo quy định.

### **1.3. Lĩnh vực thủy sản**

Tiếp tục thực hiện chuyển đổi từ trồng lúa sang nuôi trồng thủy sản tại các vùng đã được quy hoạch chuyển đổi theo Kế hoạch 1876/KH-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trong nuôi trồng thủy sản. Diện tích nuôi trồng thủy sản duy trì ổn định 5.000 ha, khai thác có hiệu quả các mô hình nuôi cá ứng dụng công nghệ “sông trong ao” và các mô hình nuôi cá lồng trên sông Hồng khoảng 700 - 800 lồng; tiếp tục xây dựng và mở rộng thêm các mô hình mới; tập trung phát triển các sản phẩm thủy sản có lợi thế và giá trị kinh tế cao. Phân đầu đến năm 2030 sản lượng thủy sản đạt 28.000 tấn.

### **1.4. Lĩnh vực Lâm nghiệp:**

Làm tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng; sử dụng, khai thác có hiệu quả tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp nhằm bảo vệ môi trường, phát triển du lịch sinh thái, bảo tồn nguồn gen. Duy trì ổn định diện tích rừng và đất lâm nghiệp hiện có đến năm 2030 có khoảng là 4.014 ha, trong đó: Đất rừng phòng hộ 217 ha; Đất rừng đặc dụng 3.474 ha; Đất rừng sản xuất 323 ha; ổn định độ che phủ rừng ở mức 4,5%. Xây dựng Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Voọc Mông trắng tại khu rừng tự nhiên huyện Kim Bảng, bảo vệ môi trường sinh thái, cải thiện cảnh quan và ứng phó với biến đổi khí hậu.

## **2. Đẩy mạnh cơ giới hóa, bảo quản, chế biến sau thu hoạch gắn với phát triển thị trường tiêu thụ nông sản, đảm bảo phát triển bền vững**

### **2.1. Cơ giới hóa sản xuất:**

Tập trung nhân rộng các mô hình cơ giới hóa đối với các lĩnh vực trong sản xuất nông nghiệp một cách hiệu quả, đồng bộ từ khâu gieo trồng, nuôi trồng, chăm sóc, thu hoạch và bảo quản chế biến sản phẩm nông sản; mở rộng các mô hình: mạ khay máy cấy, phun thuốc bảo vệ thực vật và bón phân qua lá bằng máy bay, sử dụng máy gặt trong thu hoạch lúa, máy làm đất, lên luống trồng rau màu và cây vụ đông hàng hóa. Áp dụng các công nghệ tiên tiến trong bảo quản, chế biến nông sản nhằm giảm tổn thất về số lượng, nâng cao chất lượng sản phẩm nông sản. Tăng cường cơ giới hóa, giảm lao động thủ

công nhằm chuyển dịch lao động trong lĩnh vực nông nghiệp sang công nghiệp, thương mại và dịch vụ. Phân đầu đến năm 2030 thu hoạch đạt 95%, gieo trồng đạt 70%, bảo quản chế biến đạt 60%, tỷ lệ lao động nông nghiệp/tổng lao động xã hội còn dưới 15%.

## **2.2. Về phát triển thị trường nông sản:**

Đẩy mạnh sản xuất tập trung và xây dựng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, đăng ký quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận Hà Nam cho các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc sản của địa phương và sản phẩm thuộc chương trình OCOP theo hướng hợp tác liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm được bảo hộ theo chuỗi giá trị. Tích cực tham gia các cuộc hội thảo, triển lãm, hội chợ do các Bộ ngành Trung ương, các tỉnh, thành phố và địa phương tổ chức nhằm quảng bá, giới thiệu các loại sản phẩm chủ lực, đặc trưng của tỉnh; kết nối cơ sở, phối hợp cung ứng chuỗi sản phẩm an toàn giữa Hà Nam với các tỉnh, thành trong cả nước đặc biệt là Thành phố Hà Nội. Phát triển hình thức tiêu thụ nông sản thông qua các kênh giao dịch trực tuyến và sàn thương mại điện tử. Phân đầu đến năm 2030, tỷ lệ sản phẩm nông, lâm, thủy sản được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết đạt trên 50%.

## **3. Đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, phát triển kinh tế nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, tổ hợp tác; bảo tồn phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống gắn với chương trình mỗi xã một sản phẩm**

- Tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, tổ hợp tác, nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ sản xuất; xử lý dứt điểm, giải thể các hợp tác xã hoạt động kém hiệu quả, nhiều năm thua lỗ; thành lập các hợp tác xã, tổ hợp tác ít thành viên phù hợp với điều kiện, lợi thế phát triển của từng địa phương, khu vực; đặc biệt là thành lập các hợp tác xã, tổ hợp tác ít thành viên tập trung đất đai, liên kết tổ chức sản xuất nông sản theo chuỗi giá trị; tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp liên kết với các hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất nông sản và tiêu thụ nông sản cho người nông dân. Phân đầu đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh có 360 hợp tác xã nông nghiệp, trong đó có khoảng 315 HTX hoạt động hiệu quả; có từ 3 - 5 Liên hiệp HTX nông nghiệp; trên 80 HTX ứng dụng công nghệ cao; trên 180 HTX nông nghiệp liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và trên 20 HTX nông nghiệp có sản phẩm OCOP đạt hạng từ 3 sao trở lên.

- Đẩy mạnh phát triển ngành nghề nông thôn, bảo tồn và phát triển các làng nghề, làng nghề truyền thống gắn với thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP), từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm, năng lực tổ chức sản xuất và tiếp cận thị trường tiêu thụ sản phẩm cho người dân; khuyến khích phát triển, nâng cao giá trị các sản phẩm đặc sản và sản phẩm nông nghiệp truyền thống của tỉnh. Quảng bá và tiêu thụ sản phẩm OCOP thông qua các sàn thương mại điện tử cùng với việc tham gia hội chợ giới thiệu sản phẩm OCOP và các Hội nghị kết nối cung cầu sản phẩm OCOP trong và ngoài tỉnh. Phân đầu đến năm 2030 có trên 250 sản phẩm OCOP được đánh giá xếp hạng đạt từ 3 sao cấp tỉnh trở lên.

#### **4. Đầu tư nâng cấp hạ tầng nông thôn, nâng cao năng lực phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; xây dựng nông thôn mới bền vững, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu gắn với quá trình đô thị hóa**

- Đầu tư cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp và phát triển mới cơ sở hạ tầng, hạ tầng khung nông thôn như hệ thống giao thông, hạ tầng công nghệ thông tin, thương mại, giáo dục, hệ thống đèn chiếu sáng, dịch vụ khám chữa bệnh; chỉnh trang, xây dựng nghĩa trang tập trung cấp xã theo quy hoạch, xây dựng nghĩa trang nhân dân kiểu mẫu; mở rộng, nâng cấp các công trình cấp nước sạch nông thôn để đảm bảo đến năm 2030 có 100% hộ dân nông thôn được dùng nước sạch, nước hợp vệ sinh, trong đó 95% là sử dụng từ các nhà máy nước sạch tập trung. Tăng cường chỉ đạo phát triển sản xuất và mở rộng ngành nghề ở nông thôn, mỗi xã căn cứ vào điều kiện cụ thể lựa chọn một số mô hình sản xuất đạt hiệu quả kinh tế cao để mở rộng sản xuất; đẩy mạnh đào tạo nghề gắn với tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn. Năm 2030, lao động nông nghiệp được đào tạo nghề đạt trên 60%, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng ít nhất 2,25 lần so với năm 2020.

- Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi, công trình phòng chống thiên tai, đáp ứng được yêu cầu sản xuất và nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai, rủi ro, ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường công tác quản lý và kiểm soát ô nhiễm môi trường nông thôn; tổ chức quản lý, vận hành tốt các điểm tập kết, vận chuyển, thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt và rác thải nguy hại như bao bì thuốc bảo vệ thực vật và vật tư nông nghiệp...; phân đấu 100% các khu đô thị mới, khu nhà ở mới tại khu vực nông thôn được xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn về môi trường. Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nhất là môi trường trong chăn nuôi và các làng nghề; khuyến khích nhân dân ủ rác hữu cơ thành phân vi sinh tái phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Đẩy mạnh phong trào trồng cây xanh để bảo vệ môi trường, đảm bảo cảnh quan trong khu vực nông thôn. Phân đấu đến năm 2030, có 70% số xã và 03 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

### **III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

#### **1. Đẩy mạnh công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thông tin tuyên truyền; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền các cấp về cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao chất lượng nông thôn mới và chất lượng các sản phẩm nông nghiệp**

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, vận động sâu rộng cho cán bộ, nhân dân về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của tỉnh về vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong giai đoạn phát triển mới, về cơ cấu lại nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh. Tạo sự đồng thuận, khí thế mới, quyết tâm vào cuộc của cả hệ thống chính trị và người dân trong phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

- Tăng cường vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo các cấp, ngành, địa phương, khuyến khích sự tham gia của các tổ chức chính trị, xã hội nhằm tạo sức mạnh tổng hợp để tổ chức thực hiện hiệu quả mục tiêu đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới bền vững, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Hà Nam đến năm 2030. Tiếp tục chỉ đạo công tác tuyên truyền thường xuyên và kịp thời các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh; kế hoạch và các chương trình, đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh nhằm thống nhất nhận thức và hành động.

- Tập trung nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, đề cao trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy chính quyền địa phương, các cấp, các ngành trong phát triển nông nghiệp và duy trì bền vững, nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn như các vi phạm về đất đai, giống cây trồng vật nuôi, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, vật tư nông nghiệp...; đẩy mạnh xử lý các vi phạm về bảo vệ môi trường nông thôn nhất là môi trường trong chăn nuôi và các làng nghề.

## **2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sản xuất nông nghiệp**

- Nâng cao chất lượng công tác lập quy hoạch, kế hoạch và quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp. Bố trí đủ quỹ đất phục vụ phát triển các vùng sản xuất tập trung đối với sản phẩm chủ lực, phát huy lợi thế sản phẩm, lợi thế vùng. Tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã dồn đổi, tập trung đất đai, sản xuất quy mô lớn theo chuỗi giá trị.

- Rà soát, bổ sung quy hoạch các khu chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản tập trung phù hợp với tình hình thực tế của địa phương nhằm tạo điều kiện khuyến khích đầu tư chăn nuôi theo hướng công nghiệp, quy mô lớn; tiếp tục duy trì và phát triển chăn nuôi nông hộ gắn với xử lý bảo vệ môi trường; thực hiện di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi như ở khu vực nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư, các khu đô thị nằm trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (*trừ nuôi động vật với mục đích làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường*). Quy hoạch chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản phải theo vùng, xã trọng điểm để tạo điều kiện thuận lợi trong quản lý, tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và kiểm soát dịch bệnh.

## **3. Ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất; thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng chống dịch bệnh trên cây trồng vật nuôi**

- Tập trung chuyển giao ứng dụng khoa học và công nghệ, tiến bộ kỹ thuật về giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao phù hợp với yêu cầu sản xuất và nhu cầu thị trường đặc biệt là các cây trồng vật nuôi, sản



phẩm chủ lực của tỉnh. Đẩy mạnh việc dồn đổi, tập trung đất đai để áp dụng cơ giới hoá vào sản xuất từ khâu làm đất, gieo trồng, chăm sóc đến thu hoạch, bảo quản chế biến. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ phát triển các khu chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản tập trung, các vùng sản xuất lúa, rau, củ, quả hữu cơ, theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tiêu chuẩn VietGap, Globalgap; khuyến khích áp dụng công nghệ tiên tiến trong xử lý môi trường trong chăn nuôi. Duy trì phát triển và khai thác có hiệu quả diện tích nuôi trồng thủy sản hiện có, ứng dụng các công nghệ mới về thức ăn, xử lý môi trường nước trong nuôi trồng, nhân rộng các mô hình phát triển các sản phẩm thủy sản có lợi thế và giá trị kinh tế cao. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, công nghệ thông tin trong các khâu của chuỗi giá trị; kết nối đồng bộ với các ngành và lĩnh vực khác để từng bước hình thành nền sản xuất nông nghiệp thông minh, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, lao động, nâng cao giá trị gia tăng, sức cạnh tranh và phát triển bền vững.

- Tăng cường năng lực dự báo và thực hiện đồng bộ, có hiệu quả công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi nhằm đảm bảo ổn định phát triển sản xuất và hạn chế thấp nhất thiệt hại do dịch bệnh gây nên.

#### **4. Đổi mới, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

Tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đủ trình độ tiếp cận công nghệ hiện đại để chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật và thực hiện các mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Thực hiện có hiệu quả chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với gắn với nhu cầu của thị trường, doanh nghiệp, hợp tác xã, đáp ứng yêu cầu chuyển dịch và phát triển kinh tế nông thôn, đào tạo nghề cho nông dân thành công nhân nông nghiệp. Đẩy mạnh công tác tập huấn, nâng cao kiến thức cho đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, đặc biệt là nâng cao năng lực tiếp cận thị trường nông sản và tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị.

#### **5. Tập trung hoàn thiện cơ chế chính sách, cải cách thủ tục hành chính, huy động các nguồn lực phục vụ sản xuất nông nghiệp, nâng cấp hạ tầng nông thôn, xây dựng nông thôn mới bền vững, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu**

- Triển khai thực hiện đồng bộ các cơ chế chính sách của Trung ương về phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đẩy mạnh việc xã hội hóa và tranh thủ các nguồn kinh phí từ Trung ương, nguồn vốn địa phương để lồng ghép, nâng cấp hạ tầng nông thôn đặc biệt là cơ sở hạ tầng nông thôn mới theo hướng đô thị, các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất và nâng cao năng lực phòng chống thiên tai thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tiếp tục rà soát, xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và cơ chế chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn theo quy định của Trung ương, phù hợp với

điều kiện thực tế của tỉnh. Xây dựng và ban hành, tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn để đảm bảo hỗ trợ có hiệu quả việc phát triển sản xuất nông nghiệp và nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới. Có cơ chế chính sách ưu đãi về tín dụng tạo điều kiện cho các hợp tác xã, tổ hợp tác và người nông dân vay vốn để khuyến khích nhân rộng với các mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư sản xuất, bảo quản chế biến và cung cấp sản phẩm nông sản phục vụ cho nhân dân, các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

## **6. Thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn**

- Phát triển và hướng đến đồng bộ các công cụ phục vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, số hóa dữ liệu đất đai nông nghiệp, cây trồng, vật nuôi; kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu ngành phục vụ chỉ đạo, điều hành và sản xuất kinh doanh. Từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu số sản xuất, kinh doanh nông nghiệp.

- Phát triển các mô hình nông nghiệp thông minh ứng dụng công nghệ số trong phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Phát triển quản lý nông sản từ quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ sản phẩm tạo ra sự minh bạch thông tin, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Xây dựng và nhân rộng các mô hình làng thông minh, làng thuận thiên ứng dụng công nghệ số.

## **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Nguồn kinh phí thực hiện: Từ ngân sách Nhà nước theo phân cấp và các nguồn vốn hợp pháp khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt hàng năm.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện các nội dung tại Kế hoạch; đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện; tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, thông tin, phổ biến sâu rộng nội dung của Chiến lược, Kế hoạch đến các tổ chức, cá nhân, người dân nông thôn, doanh nghiệp, hợp tác xã,... bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp.

- Rà soát các cơ chế, chính sách có liên quan đến phát triển nông nghiệp và nông thôn của Trung ương và của tỉnh, tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược.

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí, xây dựng nông thôn mới bền vững, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu gắn liền với quá trình đô thị hóa, nông thôn hiện đại.

## **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương tham mưu xây dựng, đề xuất sửa đổi bổ sung các cơ chế chính sách của tỉnh về khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn theo quy định của Trung ương và phù hợp với điều kiện của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính cân đối, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kế hoạch vốn trung hạn và hàng năm đối với các chương trình, đề án, dự án sử dụng vốn đầu công theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

## **3. Sở Tài chính**

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối nguồn lực từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững, đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành.

## **4. Sở Công Thương**

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị có liên quan hỗ trợ doanh nghiệp các hoạt động xúc tiến thương mại; mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm nông sản; hỗ trợ xây dựng và quảng bá thương hiệu sản phẩm. Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án Đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

## **5. Sở Tài nguyên và Môi trường**

Chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan và các huyện, thị xã, thành phố tăng cường công tác quản lý về đất đai, khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các địa phương áp dụng cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nền nông nghiệp xanh, giảm phát thải và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, sử dụng hiệu quả tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường khu vực nông nghiệp, nông thôn, bảo tồn đa dạng sinh học.

## **6. Sở Xây dựng**

Chủ trì, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch nông thôn gắn với quy hoạch sản xuất nông nghiệp theo phân cấp và công tác quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

## **7. Sở Khoa học và Công nghệ**

Chủ trì tham mưu xây dựng, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách có liên quan tới hỗ trợ tăng cường năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ và tiến bộ kỹ thuật; triển khai các đề tài nghiên cứu, dự án ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế

nông thôn. Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, tập thể, cá nhân đẩy mạnh thực hiện việc xây dựng và phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, đăng ký quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận Hà Nam đối với các sản phẩm hàng hoá, nông sản có thể mạnh.

### **8. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ngành liên quan rà soát đề xuất sửa đổi, bổ sung các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nông nghiệp, nông thôn đặc biệt là đào tạo nhân lực chất lượng cao phục vụ sản xuất, kinh doanh, chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; thúc đẩy đưa công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và du nhập nghề mới vào nông thôn; giải quyết việc làm và chuyển nhanh cơ cấu lao động nông thôn.

### **9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, triển khai các chương trình, đề án phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; phối hợp triển khai các hoạt động thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm nông nghiệp đặc sản, đặc hữu thuộc “Chương trình Mỗi xã một sản phẩm” tại các thị trường khách du lịch trên địa bàn tỉnh.

### **10. Sở Thông tin và Truyền thông**

Phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn định hướng tuyên truyền đối với các cơ quan báo chí của tỉnh; phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo Đài Truyền thanh cấp huyện, Đài Truyền thanh cấp xã tuyên truyền, tuyên truyền trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Hà Nam về các nội dung của Kế hoạch; hướng dẫn các địa phương thực hiện ứng dụng chuyển đổi số trong nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

### **11. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Hà Nam**

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh, triển khai có hiệu quả các chương trình, chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước đối với nông nghiệp, nông thôn; tạo điều kiện thuận lợi đề người dân và doanh nghiệp vay vốn đầu tư phát triển sản xuất. Đề xuất các chương trình tín dụng cụ thể phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn góp phần thực hiện có hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

### **12. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

- Căn cứ các mục tiêu, định hướng và giải pháp của Kế hoạch, xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách của Trung ương, của tỉnh đã ban hành về nông nghiệp, nông thôn. Bố trí kinh phí địa phương, huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế đầu tư vào phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ngành có liên quan xây dựng, phát triển vùng sản xuất hàng hóa đối với các sản phẩm chủ lực, đặc sản, đặc hữu của địa phương; ứng dụng công nghệ cao; quy trình sản xuất theo hướng hữu cơ; hỗ trợ thành lập, phát triển các hình thức sản xuất tiên tiến trên địa bàn.

- Chỉ đạo đơn đốc, kiểm tra, giám sát các xã, thị trấn, hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp thực hiện có hiệu quả Kế hoạch; tổ chức đánh giá và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch trên địa bàn.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Hà Nam. Trong quá trình tổ chức thực hiện, có khó khăn vướng mắc và cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể của Kế hoạch, các Sở, ngành, địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

*Nơi nhận*

- Bộ Nông nghiệp & PTNT (đề b/c);
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: LĐVP, NN&TNMT, TH, KGVX;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Vượng

## DANH MỤC

### Chương trình, Đề án ban hành giai đoạn 2021-2030

#### lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: **869** /KH-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2022  
của UBND tỉnh Hà Nam)

STT	Nội dung	Thời gian dự kiến HT	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
<b>I</b>	<b>Chương trình, Đề án, Kế hoạch đã phê duyệt:</b>			
1	Đề án xây dựng mô hình sản xuất cây ăn quả an toàn vùng chuyển đổi đất lúa tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021 - 2025	Quyết định số 2647/QĐ-UBND ngày 24/12/2020	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Các Sở ngành liên quan - UBND các huyện, thị xã, thành phố
2	Đề án phát triển dịch vụ mạ khay, máy cấy tỉnh Hà Nam giai đoạn 2020 -2023	Quyết định số 1340/QĐ-UBND ngày 6/7/2020	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Các Sở ngành liên quan - UBND các huyện, thị xã, thành phố
3	Đề án phát triển đàn lợn nái áp dụng phương pháp thụ tinh nhân tạo phục vụ nhiệm vụ tái đàn lợn trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2023	Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 6/7/2020	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Các Sở ngành liên quan - UBND các huyện, thị xã, thành phố
4	Kế hoạch thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm - OCOP tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch số 3606/KH-UBND ngày 27/12/2021	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Văn phòng UBND tỉnh - Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương - UBND các huyện, thị xã, thành phố
5	Kế hoạch triển khai Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Nam	Kế hoạch số 364/KH-UBND ngày 24/12/2021 về	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Văn phòng UBND tỉnh - Các Sở, ngành liên quan - UBND các huyện, thị xã, thành phố
6	Hỗ trợ cơ sở chăn nuôi gia cầm áp dụng công nghệ sinh học để xử lý môi trường chuồng trại chăn nuôi	Quyết định 2382/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Văn phòng UBND tỉnh - Các Sở, ngành liên quan - UBND các huyện, thị xã, thành phố
7	Hỗ trợ cơ sở chăn nuôi lợn áp dụng công nghệ sinh học để xử lý môi trường	Quyết định 2382/QĐ-UBND ngày	Sở Nông nghiệp và Phát triển	- Văn phòng UBND tỉnh - Các Sở, ngành liên quan - UBND các huyện, thị xã,

	trong chăn nuôi kiểu chuồng kín	31/12/2021	nông thôn	thành phố
8	Hỗ trợ cơ sở chăn nuôi gia súc xây dựng mới công trình xử lý chất thải	Quyết định 2382/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Văn phòng UBND tỉnh - Các Sở, ngành liên quan - UBND các huyện, thị xã, thành phố
<b>II Nghị quyết, Đề án, Kế hoạch đề xuất thực hiện giai đoạn 2022-2030</b>				
1	Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ một số nội dung sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Hà Nam	Quý II năm 2022	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Văn phòng UBND tỉnh - Các Sở, ngành liên quan - UBND các huyện, thị xã, thành phố
2	Đề án Chuyển đổi cây trồng, vật nuôi và phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2022-2025	Quý II/2022	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Văn phòng UBND tỉnh - Các Sở, ngành liên quan - UBND các huyện, thị xã, thành phố
3	Đề án Nâng cao hiệu quả hoạt động các hợp tác xã nông nghiệp tỉnh Hà Nam giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030	Quý II/2022	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Văn phòng UBND tỉnh - Các Sở, ngành liên quan - UBND các huyện, thị xã, thành phố
4	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2025	Quý II/2022	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Văn phòng UBND tỉnh - Các Sở, ngành liên quan - UBND các huyện, thị xã, thành phố
5	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM tỉnh Hà Nam giai đoạn 2026-2030	Quý II/2026	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Văn phòng UBND tỉnh - Các Sở, ngành liên quan - UBND các huyện, thị xã, thành phố
6	Kế hoạch mở rộng diện tích cây máy giai đoạn 2022-2025	Quý II/2022	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Văn phòng UBND tỉnh - Các Sở, ngành liên quan - UBND các huyện, thị xã, thành phố
7	Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Quý III/2022	Sở Kế hoạch và Đầu tư	- Văn phòng UBND tỉnh - Các Sở, ngành liên quan - UBND các huyện, thị xã, thành phố